

THẢO LUẬN CHÍNH SÁCH

Đầu tư vào tài nguyên thiên nhiên: Vai trò của Trung Quốc ở khu vực Đông Dương

Bài viết này tóm lược thảo luận chính sách của dự án nghiên cứu “Tìm hiểu Trung Quốc dưới vai trò một nhà hoạt động ở khu vực Đông Dương” do Quỹ Heinrich Boll Stiftung, Quỹ Quốc tế về Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) và Viện Quốc tế về Phát triển Bền vững đồng thực hiện. Dự án này nhằm làm rõ vai trò kinh tế của Trung Quốc ở Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia, tạo nền tảng đối thoại xây dựng giữa những người làm chính sách và các bên liên quan ở Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Dương.

Trung Quốc đang nỗ lực phát triển để trở thành một cường quốc kinh tế trên thế giới. Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế về nguồn cung tài nguyên thiên nhiên ổn định và chủ động, Trung Quốc đã tăng mạnh vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (FDI) vào các khu vực Châu Phi và Mỹ La-tinh. Nền tảng của những mối quan hệ đang lớn mạnh giữa Trung Quốc và các quốc gia cung cấp tài nguyên là hợp tác kinh tế toàn cầu và trong khu vực, tạo ra những mối liên kết đa chiều, mạnh mẽ với nhiều các khu vực khác nhau trên thế giới trong những chuỗi giá trị phức tạp được sắp đặt. Hệ thống kinh tế toàn cầu liên kết các nước thuộc Tổ chức Phát triển và Hợp tác Kinh tế (OECD) đảm bảo nguồn cung cấp phần lớn tài nguyên thiên nhiên cho nền sản xuất hàng hóa. Mối quan hệ đó được tạo ra bằng cách các nước sản xuất (chủ yếu các nước đang phát triển) biến tài nguyên thiên của mình trở thành những sản phẩm qua sơ chế với giá rẻ để xuất khẩu và tiêu thụ tại thị trường OECD. Trong hệ thống toàn cầu này, hơn một thập kỷ qua, Trung Quốc đã và đang nổi lên là một trong những đầu mối sản xuất và chế tạo chính trên thế giới.

Trong nửa đầu năm 2005, các doanh nghiệp Trung Quốc đã đầu tư 4,1 tỷ đôla ra nước ngoài, tăng gần 250% so với năm trước. Trong năm 2005, đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp phi tài chính Trung Quốc đã tăng 20% so với năm 2004, lên tới 12,3 tỉ đôla. Trong ba quý đầu năm 2006, tổng đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc đạt 14,1 tỷ đôla, tăng 80% mỗi năm, và ước tính tổng đầu tư ngoài nước ổn định ở mức 16 tỉ đôla vào cuối năm. Do tài nguyên trong nước có hạn, trong khi sản xuất công nghiệp phát triển nhanh chóng, nên Trung Quốc đã ưu tiên đầu tư FDI vào các lĩnh vực khai thác mỏ và năng lượng. Các hãng bảo hiểm và tín dụng xuất khẩu của Trung Quốc, đặc biệt là Ngân hàng Xuất nhập khẩu (XNK) Trung Quốc và Tập đoàn Bảo hiểm Tín dụng và Xuất khẩu Trung Quốc (Sinosure), đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng thương mại nhanh chóng và quan tâm nhiều hơn cho các dòng đầu tư về phía nam của Trung Quốc. Năm 2005, Ngân hàng XNK Trung Quốc đã chấp thuận các khoản vay lên tới 158,6 tỷ nhân dân tệ (xấp xỉ 20 tỷ đôla). Tuy mới thành lập năm 1994, nhưng ngân hàng này đã lớn mạnh và trở thành một trong những tổ chức tín dụng xuất khẩu lớn nhất trên thế giới.

Nhu cầu khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tăng nhanh chóng của Trung Quốc đã làm cho giá cả hàng hóa đang tăng mạnh trên toàn cầu. Đầu tư vào công nghiệp khai khoáng trước đây đã từng bị cấm, nay lại đang trở nên có ý nghĩa kinh tế quan trọng. Năm 2002, Trung Quốc đã trở thành nước tiêu thụ đồng nhiều nhất thế giới, và bây giờ là một trong những nơi tiêu thụ nhôm, kẽm và niken lớn nhất. Cũng trong năm 2002, Trung Quốc cũng trở thành nơi tiêu thụ cao su tự nhiên lớn nhất thế giới, vượt cả Hoa Kỳ, với khối lượng 3,45 triệu tấn, chiếm 18,2% tổng lượng tiêu thụ toàn thế giới. Nhu cầu cao su tự nhiên của Trung Quốc dự báo đạt 11,5 triệu tấn mỗi năm vào năm 2020, chiếm khoảng 30% sản lượng toàn cầu. Sự

gia tăng này liên quan trực tiếp tới nhu cầu về phương tiện giao thông ngày càng cao của Trung Quốc, ước tính lên tới 200 triệu phương tiện vào năm 2020. Đây là sự gia tăng mạnh mẽ so với con số 10 triệu phương tiện ở nước này vào năm 2005.

Chiến lược “Vươn ra toàn cầu” của Trung Quốc

Quan hệ kinh tế của Trung Quốc với thế giới biến chuyển nhanh chóng. Kế hoạch 5 năm về Phát triển Kinh tế Xã hội Quốc gia lần thứ 10 (2001-2005) đã thiết lập một chiến lược để Trung Quốc tận dụng tối đa tài nguyên thiên nhiên ở các nước khác, thiết lập cơ sở cung cấp dầu mỏ và khí đốt từ bên ngoài, đa dạng hóa nguồn nhập khẩu dầu mỏ, tạo nên nguồn dự trữ dầu mỏ chiến lược và duy trì an ninh năng lượng quốc gia. Từ năm 2004, Chiến lược “Vươn ra toàn cầu” của nước này được tính toán cụ thể để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về tài nguyên thiên nhiên, cả ở quy mô khu vực và toàn cầu, và khuyến khích đầu tư ra nước ngoài bằng cách trợ cấp đầu tư cho các công ty Trung Quốc trong lĩnh vực khai thác tài nguyên. Chiến lược này và những sáng kiến liên quan bao gồm việc phổ biến đường lối, chính sách về FDI theo từng nước và lĩnh vực, thông tin về môi trường và cơ hội đầu tư của các nước, đại biểu chính quyền từ trung ương tới một số tỉnh và thành phố tự trị để vận động, và giảm nhẹ kiểm soát ngoại hối đối với đầu tư nước ngoài.

Chính phủ Trung Quốc đã có những nỗ lực mạnh mẽ nhằm xây dựng các chính sách và hướng dẫn để quản lý nguồn viện trợ hải ngoại và đầu tư trực tiếp ra nước ngoài. Dù đây là một quá trình mới mẻ, nhưng hứa hẹn sẽ đáp ứng và làm dịu những xung đột tiềm ẩn về đầu tư trong các dự án nhạy cảm như đập thủy điện, khai mỏ lộ thiên và phát triển đồn điền quy mô lớn. Tuy nhiên, chiến lược này hiện vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức đặt ra. Chẳng hạn, hướng dẫn của Chính phủ Trung Quốc về đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực lâm nghiệp quy định các công ty Trung Quốc phải tôn trọng luật pháp của nước sở tại. Tuy vậy, đối với khu vực Đông Dương, những quy định này ít được thực thi nghiêm túc. Khi ứng xử với những quy định về lâm nghiệp hay môi trường, thì các công ty Trung Quốc cũng thực hiện yếu kém như các công ty trong nước, và điều này không tạo ra sự tiến bộ trong hoạt động kinh doanh. Đồn bẫy thực sự được đảm bảo bởi những quy định này chính là các công ty Trung Quốc “lách” qua luật định địa phương, và do vậy họ không chỉ vi phạm pháp luật sở tại mà trên thực tế còn vi phạm luật pháp của Trung Quốc.

Chiến lược của Trung Quốc ở khu vực Đông Dương

Quan hệ của Trung Quốc với ba nước trong khu vực Đông Dương là Căm-pu-chia, Lào và Việt Nam khá năng động và phức tạp. Mặt khác, những mối quan hệ này lại chưa bao giờ thực sự ổn định. Vấn đề tranh chấp biên giới và biển được kiểm soát trong hòa bình bị lấn át bởi những lợi ích kinh tế. Sự gắn bó chặt chẽ giữa ba nước này đã thúc đẩy phát triển thương mại khi cơ sở hạ tầng được nâng cấp, giúp liên kết các thành phố lớn trong vùng và biên giới được mở ra cho các hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa qua cửa khẩu quốc tế.

Hiệp ước Thương mại Tự do ASEAN và Trung Quốc (ACFTA) đã hứa hẹn những hợp tác kinh tế xa hơn trong tương lai. Thỏa thuận này cho thấy hoạt động tự do hóa thương mại và đầu tư sẽ tiến triển giữa hai đối tác này trong nhiều năm tới. Chương trình Thu hoạch Sớm (Early Harvest Programme) của ACFTA đã đưa ra biểu cắt giảm thuế cho khoảng 600 mặt hàng nông sản chưa chế biến vào tháng 1/2006. Những dự án đầu tư lớn của Trung Quốc trong khuôn khổ Chiến lược Kinh tế Tiểu vùng Mê Kông giúp nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ vận chuyển hàng hóa, một phần thông qua chương trình Hành lang Kinh tế Tiểu vùng Mê Kông của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), đã tạo ra một mạng lưới đường sá liên kết các nước trong Tiểu vùng, kéo dài qua các nước Việt Nam, Căm-pu-chia, Lào, Thái Lan, Myanmar và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Một phần vốn hỗ trợ phát triển và đầu tư từ Trung

Quốc sẽ đảm bảo sự liên kết nói trên còn vươn xa hơn do hệ thống đường điện mở rộng trong vùng và các tuyến đường sắt đã quy hoạch nối liền từ Côn Minh tới Singapor. Những điều này cho phép Trung Quốc xây dựng những mối quan hệ song phương và đa phương gắn bó với các nước láng giềng phía nam thông qua đầu tư, thương mại và viện trợ; đảm bảo cho Trung Quốc tránh khỏi những ảnh hưởng lớn hơn từ phía Tây bằng cách thiết lập an ninh khu vực biên giới nhờ quan hệ hữu nghị.

Trong những năm gần đây, Căm-pu-chia, Lào và Việt Nam đã nhận thấy hai xu hướng liên quan với nhau thể hiện trong những phương hướng trái ngược. Thứ nhất là sự rút lui một phần của Các định chế Tài chính Quốc tế (IFIs) như Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) do ngân ngại đầu tư vào các đại dự án gây tranh cãi về mặt môi trường và xã hội. Gần đây, IFIs đã xây dựng các tiêu chuẩn quốc tế và mô hình trình diễn cho hoạt động đầu tư vào những dự án có nhiều tác động tiềm ẩn lớn về môi trường và xã hội như thủy điện, khai mỏ và sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa. Những tiêu chuẩn này thường bị chính phủ các nước sở tại chỉ trích là phức tạp và phiền hà, mất nhiều thời gian để thẩm định và phê chuẩn dự án. Chính điều này đã tạo ra một khoảng trống trong đầu tư và đang dần được lấp đầy bởi các nhà tài phiệt lớn ở Châu Á, và khuyến khích các “nhà tài phiệt mới” của Trung Quốc giành lợi thế do môi trường đầu tư ưu đãi và nguồn lợi tài nguyên dồi dào từ các nước láng giềng gần gũi.

Hiện nay, các ngân hàng đầu tư và doanh nghiệp của Trung Quốc vẫn chưa buộc phải tuân theo những tiêu chuẩn quốc tế tương tự trong các hoạt động đầu tư ở nước ngoài, mặc dù họ có thể phải tuân thủ chúng ở ngay tại nước mình. Trung Quốc thường đưa ra một kiểu đầu tư khác lên bàn đàm phán: không có chuẩn mực về tuân thủ quyền con người, yêu sách dân chủ và quy định về bảo vệ môi trường; nhưng lại được thiết lập dựa trên mối quan hệ và tình hữu nghị. Trung Quốc cũng được xem là một “thế lực mềm mỏng” về văn hóa và tư tưởng, giúp kết bạn ở khắp nơi trong khu vực, với tình hữu nghị là mũi nhọn tấn công các hoạt động kinh doanh. Chẳng hạn, Chính phủ Trung Quốc đã hỗ trợ xây dựng một vài công trình quốc gia và văn hóa quan trọng như Cung Văn hóa Quốc gia Lào và văn phòng làm việc mới của Hội đồng Bộ trưởng Căm-pu-chia.

Tuy nhiên, vai trò của Trung Quốc được nhận thức hoàn toàn khác nhau ở từng nước Căm-pu-chia, Lào và Việt Nam cũng như giữa các tầng lớp xã hội khác nhau. Vấn đề “người Hoa” là một chủ đề phức tạp và nhạy cảm, với hàng triệu người sinh ra và lập nghiệp ở ba nước Đông Dương luôn khẳng định truyền thống Trung Hoa. Với đặc thù của hai nước láng giềng, Việt Nam và Trung Quốc vẫn còn ký ức về những vấn đề do lịch sử để lại. Còn Chính phủ Căm-pu-chia đang đón nhận những ảnh hưởng và vốn đầu tư từ Trung Quốc, trong khi vẫn có những quan ngại ở khu vực nông thôn về xây dựng đập thủy điện và các dự án khác do Trung Quốc đầu tư. Bất đồng quan điểm giữa các cơ quan chính quyền và người dân về ảnh hưởng ngày càng mạnh của Trung Quốc chỉ ra những thách thức đáng kể đối với các nhà lãnh đạo Căm-pu-chia, Lào, và Việt Nam - nơi mà xã hội dân sự đang hình thành, người dân bắt đầu có tiếng nói phản biện đối với các dự án đầu tư của Trung Quốc. Ở Lào, nơi xã hội dân sự còn chưa thực sự phát triển thì vẫn chưa có sự phản đối công khai đối với dòng chảy ồ ạt dân nhập cư đi liền với những đầu tư từ Trung Quốc. Tuy nhiên, mối quan tâm của cộng đồng đối với đề xuất xây dựng một thành phố vệ tinh “Phố Trung Hoa” ở Viên Chăn (Lào) đã và đang được dẫn chứng phổ biến trên nhiều tờ báo viết, báo mạng và hệ thống thư điện tử.

Trung Quốc và khu vực tài chính - thương mại ở Đông Dương

Trong khu vực Đông Dương, Trung Quốc đang giành được vị thế nổi bật như một đối tác và nhà đầu tư thương mại song phương quan trọng, đồng thời nổi lên như một đối thủ cạnh tranh

đáng gờm đối với các nước láng giềng phía Nam trên thị trường và đầu tư toàn cầu. Trung Quốc tạo ra gần nửa tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Đông và Đông Nam Á, và chiếm một phần ba tổng lượng xuất khẩu của vùng. Trong khi Trung Quốc và Việt Nam cạnh tranh về thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và thị trường trên thế giới, Trung Quốc cũng trở thành đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Hơn thế, Trung Quốc là nhà tài trợ và nhà đầu tư nước ngoài quan trọng nhất ở Lào và Căm-pu-chia.

Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)

Chính phủ Trung Quốc đã cung cấp viện trợ đáng kể cho Căm-pu-chia, Lào và Việt Nam, hầu như không kèm theo bất kỳ điều kiện lớn nào và thường kết hợp với trao đổi và hỗ trợ văn hóa. So sánh với các nhà tài trợ khác, nguồn vốn ODA từ Trung Quốc thường không liên quan tới các lĩnh vực thương mại nông nghiệp, thủy điện và khai mỏ, nhưng đa phần bao gồm hỗ trợ cho phát triển giao thông, viễn thông, sức khỏe, giáo dục, phát triển nguồn lực con người, và xây dựng (các tổ hợp thể thao, văn hóa và công trình chính phủ). Căm-pu-chia là nước duy nhất (trong ba nước) đặc biệt có được hỗ trợ của Trung Quốc về các dự án phát triển thủy điện.

Cơ cấu thương mại của Trung Quốc với các nước láng giềng: Nhập khẩu tài nguyên, xuất khẩu sản phẩm chế tạo

Trong cơ cấu thương mại với Căm-pu-chia, Lào và Việt Nam, Trung Quốc hiện chiếm ưu thế bởi việc nhập khẩu tài nguyên thiên nhiên và xuất khẩu các mặt hàng chế tạo. Hơn 90% lượng xuất khẩu từ ba nước Đông Dương vào Trung Quốc là hàng nông sản và nguyên liệu thô. Điều này tạo nên sự tương phản đáng chú ý trong cơ cấu thương mại giữa Trung Quốc và một số quốc gia Đông Nam Á khác như Malaysia, Phillipin và Thái Lan khi cơ cấu thương mại với các nước này đa dạng hơn và hàng hóa xuất khẩu sang Trung Quốc ít tập trung vào tài nguyên hơn. Dù rằng tầm quan trọng tương đối của đầu tư và thương mại với Trung Quốc rất khác nhau giữa ba nước này, những những gì họ bán cho “ông láng giềng phương Bắc” đều là những mặt hàng chiếm ưu thế. Còn thứ họ nhập khẩu phần lớn là công nghệ, máy móc và hàng tiêu dùng Trung Quốc; rất nhiều trong số đó có chất lượng thấp, nhưng nằm trong khả năng của người tiêu dùng nghèo ở Căm-pu-chia, Lào và Việt Nam.

Buôn bán hàng hóa không chính thức (hay buôn lậu) đang lan rộng ở ba nước Đông Dương. Có ý kiến cho rằng phần lớn than và cao su xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc là trái phép, trốn trả thuế cho nhà nước và cũng không có thống kê về khối lượng hay giá trị. Ở phía Bắc của Lào, người ta biết rõ rằng nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đang thiết lập các hoạt động sản xuất hàng hóa tùy tiện như đường, sắn, ngô và gỗ, những mặt hàng này sau đó được vận chuyển qua đường biên giới. Nhiều nơi ở Căm-pu-chia, mặc dù chưa được kiểm chứng, người ta nghi ngờ rằng một số công ty Trung Quốc đã tham gia vào việc kinh doanh gỗ, vàng và khoáng sản một cách không chính thức và điếm đến cuối cùng của hàng hóa vẫn là thị trường Trung Quốc.

Sự khác nhau cơ bản giữa ba nước trong mối quan hệ với Trung Quốc là ở tầm quan trọng tương đối của đầu tư và hỗ trợ nước ngoài với thương mại trong các lĩnh vực thương mại nông nghiệp, thủy điện và khai thác mỏ. Ở Căm-pu-chia và Lào, đầu tư của Trung Quốc trong cả ba lĩnh vực trên đều lớn. Mặt khác, đối với Việt Nam, Trung Quốc chỉ xếp thứ 15 trong số các nhà đầu tư lớn, và đầu tư đáng kể chỉ trong khai thác mỏ. Việt Nam vốn là nước đi đầu trong khu vực về thủy điện và khai mỏ với đầu tư vào Lào và Căm-pu-chia, và giàu kinh nghiệm trồng cao su - cũng đầu tư vào các nước láng giềng. Đối với Việt Nam, hoạt động thương mại với đối tác lớn nhất là Trung Quốc đặc biệt có ý nghĩa trong ba lĩnh vực nói trên.

Đầu tư của Trung Quốc vào thương mại nông nghiệp, thủy điện và khai mỏ

Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên của ba nước Đông Dương từ lâu được xem là phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Tuy nhiên, sự xuất hiện của Trung Quốc như một nhà đầu tư lớn vào ba lĩnh vực nói trên kèm theo một thị trường rộng lớn hứa hẹn những thay đổi căn bản đối với cảnh quan môi trường và xã hội của khu vực. Các doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc đang trở thành những nhà đầu tư chính vào Căm-pu-chia, Lào và Việt Nam và đang cung cấp nguồn lực cho công cuộc khai thác tài nguyên thiên nhiên. Ví dụ, Công ty TNHH Khai mỏ Quốc tế về Kim loại màu Trung Quốc (CNMIC) đã tích cực khai thác đồng ở Việt Nam và bô-xít ở Lào. Chalco, một tập đoàn nhôm ở Trung Quốc, đang hợp tác với các công ty của Thái Lan và Lào để thúc đẩy đánh giá tác động môi trường cho khai thác bô-xít trong cùng một khu vực với CNMIC ở Lào và cũng đã cam kết hợp tác với Việt Nam. Tập đoàn Thủy điện Trung Quốc (Sinohydro) đang phát triển nhiều dự án thủy điện ở Lào và Căm-pu-chia. Hay Công ty TNHH Lưới điện Nam Trung Quốc cũng chủ động tìm kiếm các cơ hội ở ba nước này.

Mặc dù có tiềm năng lớn, thủy điện vẫn còn chưa được khai thác nhiều. Tuy nhiên, ở Lào và Căm-pu-chia, Trung Quốc đã tham gia vào khoảng 21 dự án thủy điện với tư cách là chủ đầu tư hoặc đơn vị thi công. Hầu hết các dự án đầu tư của Trung Quốc do các doanh nghiệp Trung Quốc thiết kế, thực hiện và hỗ trợ bởi Ngân hàng XNK Trung Quốc và Tập đoàn Bảo hiểm Tín dụng và Xuất khẩu Trung Quốc (Sinasure). Đây là hai tổ chức tín dụng có liên hệ với hầu hết những dự án đầu tư ra nước ngoài của Trung Quốc. Vai trò hiện nay của Trung Quốc trong thủy điện ở Việt Nam khá ít ỏi. Không có hợp tác liên kết nào, phần lớn việc xây dựng thủy điện đều do các đơn vị Việt Nam thực hiện, trước đây chủ yếu do Tổng công ty Điện lực Việt Nam (EVN). Tuy nhiên, Trung Quốc vẫn cung cấp phần lớn tuốc-bin và các thiết bị khác cho các dự án thủy điện vừa và nhỏ, và Việt Nam đang nhập khẩu 200MW điện từ phía nam Trung Quốc. Con số này dự báo sẽ tăng lên 10 lần vào năm 2015, với lượng nhập khẩu ước chừng 2.000 MW.

Khai thác khoáng sản hiện nay còn nhỏ về quy mô và đòi hỏi nhiều nhân công. Tuy nhiên, dọc cao nguyên Bolaven ở Lào và vùng Tây Nguyên Việt Nam, Trung Quốc đang tiến hành đầu tư vào các vùng lớn hơn để khai thác bô-xít nhằm chế biến và xuất khẩu nhôm cho hoạt động xây dựng, giao thông và công nghiệp đóng gói ngày một phát triển của họ. Các đầu tư khác trong khai mỏ và/hoặc xuất khẩu ở ba nước này bao gồm vàng, đồng, sắt, kẽm và than đá. Trung Quốc được dự báo là sẽ còn là một thị trường lớn và một nhà đầu tư quan trọng về khoáng sản trong khu vực.

Trước đây, sản xuất nông nghiệp của Căm-pu-chia và Lào hầu hết tiêu thụ ở địa phương và thiếu nguồn lực đầu tư chiều sâu. Nhưng đến gần đây, Trung Quốc đã đầu tư mạnh vào nguyên liệu nông nghiệp cho hai nước này và là một thị trường lớn cho hàng hóa ở cả ba lĩnh vực nói trên. Những mặt hàng như sắn, mía, ngô, dầu cọ, hạt điều và gỗ keo và nhiều loại khác là những nguồn đầu tư chính từ Trung Quốc, ít nhất là ở một trong ba nước Đông Dương. Nhu cầu đang tăng lên của Trung Quốc về cao su thiên nhiên đã khiến các nước láng giềng phía Nam chuyển đổi một diện tích lớn đất lâm nghiệp sang trồng cao su. Trung Quốc đầu tư lớn vào sản xuất cao su ở Lào, mặc dù ít hơn so với Căm-pu-chia. Ở Việt Nam, mặc dù đầu tư của Trung Quốc vào lĩnh vực cao su hiện nay còn hạn chế, nhưng Trung Quốc vẫn đang là thị trường xuất khẩu cao su chính.

Hướng đến đầu tư bền vững về xã hội và môi trường của Trung Quốc

Sự hiện diện và vai trò ngày một rõ nét của Trung Quốc ở ba nước Đông Dương mở ra những cơ hội mới thông qua FDI, thương mại và quan hệ đối tác vùng. Những cơ hội mới này có thể

đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn thu cho một vài nước nghèo trong khu vực Đông Nam Á và xây dựng mối gắn bó khu vực chặt chẽ hơn cho cả Trung Quốc và những nước được đầu tư. Bên cạnh nhu cầu ngày một lớn về những cơ hội đầu tư, còn có nhiều nguy cơ lớn đối với các nước đang trông chờ cơ hội, đó là đường biên giới lỏng lẻo thuận tiện cho luân chuyển hàng hóa và người tùy tiện, năng lực và nguồn lực địa phương hạn chế để thực thi những quy định khác nhau ở ba nước này. Những rủi ro về mặt xã hội và môi trường này có thể gây ra tác động đáng kể lên hệ sinh thái ven sông, đất canh tác nông nghiệp và cộng đồng.

Trung Quốc đang bắt đầu nỗ lực cải thiện vị thế của mình trên vũ đài quốc tế bằng việc thể hiện họ sẵn sàng nhận trách nhiệm thực hiện tốt nhất so với những nước khác, ví dụ như Nguyên tắc Xích đạo (Equator Principles) đối với các ngân hàng, các chiến lược tham gia của cộng đồng và chính sách tín dụng xanh. Tuy nhiên, nhiều công ty Trung Quốc chủ yếu thuộc nhà nước trong lĩnh vực khai thác mỏ và thủy điện vẫn đang thể hiện hoạt động yếu kém về mặt xã hội và môi trường ở nước ngoài. Hiện nay Trung Quốc đang có cơ hội trở thành người dẫn đầu toàn cầu trong đầu tư bền vững về mặt xã hội và môi trường bằng cách kiểm soát cẩn thận các đầu tư ra nước ngoài, tăng cường các quy chế đầu tư của chính họ, tiếp thu các điển hình và nguyên tắc thành công trên thế giới. Tuy nhiên, gánh nặng không chỉ đặt lên mình Trung Quốc. Nước này cũng sẽ cần hợp tác với chính phủ ở các nước mà Trung Quốc đang hoạt động để hỗ trợ những người cung cấp tài nguyên tăng cường các quy định của chính họ, không nhất thiết phải trả giá bằng nguồn thu đầu tư của chính mình.

** Trong nguyên văn, các tác giả dùng cụm từ “vùng Mê Kông” (Mekong region) nhưng tập trung đề cập đến các vấn đề ở ba quốc gia Việt Nam, Lào và Căm-pu-chia. Trong bản dịch này, chúng tôi dùng cụm từ thường được dùng rộng rãi là “khu vực Đông Dương” với hàm ý bán đảo Đông Dương gồm ba quốc gia nói trên.*

Biên dịch: Đào Thu Hiền

Biên tập: Trịnh Lê Nguyên, Nguyễn Việt Dũng

Bài thảo luận chính sách này có tựa đề nguyên văn “Rethinking Investments in Natural Resources: China’s Emerging Role in the Mekong Region” xuất bản tháng 12/2008. Có thể tải bản tiếng Anh của bài này và tham khảo thêm tại:

- www.boell-southeastasia.org
- www.wwf.dk
- www.tradeknowledgenetwork.net

Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature) biên dịch và giới thiệu bài thảo luận chính sách này.